

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/2019/HNGĐ -ST
Ngày: 29/5/2019
“V/v tranh chấp HNGĐ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nữ Hoàng Yến – Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:***
Bà H Michan Niê – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 948/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2018 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXX-ST ngày 18/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Trần Đình H – sinh năm 1975

Địa chỉ: 293/20 đường N, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy Tr – sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 73 đường Ng, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị Thùy Tr tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND phường TN, TP Buôn Ma Thuột. Ông, bà có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Hữu P – sinh ngày 07/4/2008.

Trong quá trình chung sống đến thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H, bà Tr đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Nay ông H xét thấy cuộc sống không hạnh phúc nên mong tòa giải quyết cho được ly hôn bà Tr.

Về con chung: Ông H có nguyện vọng nuôi cháu Ph cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Thùy Tr không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị Thùy Tr sống chung có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đình H, ông Trần Đình H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy Tr; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Nguyễn Hữu P – sinh ngày 07/4/2008 cho ông Trần Đình H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét; Về nợ chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Đình H, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị Thùy Tr tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND phường TN, TP Buôn Ma Thuột. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, ông H và bà Tr kết hôn từ năm 2005 nhưng thời gian gần đây Ông, Bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông H trình bày là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết Tòa án đã xác minh tại tổ dân phố nơi Ông, Bà sinh sống và được đại diện tổ dân phố cho biết ông H và bà Tr là vợ chồng trước đây có sinh sống tại 293/20 đường N, phường TN, thành phố B, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì do ông H và bà Tr không yêu cầu hòa giải ở địa phương nên địa phương không nắm được, tuy nhiên địa phương được biết hiện nay ông H và bà Tr đã sống ly thân, bà Tr đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà Tr đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay, ông H có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Tr để mỗi người có cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Hữu P – sinh ngày 07/4/2008. Hiện nay cháu P đang do ông H chăm sóc nuôi dưỡng, cháu P cũng có nguyện vọng được sống cùng ông H. Bà Tr không có ý kiến gì về việc xin nuôi dưỡng con chung, do đó cần tiếp tục giao cháu P cho ông H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Trần Đình H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82; 83; 107 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Đình H. Ông Trần Đình H được ly hôn bà Nguyễn Thị Thùy Tr.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Đình H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Hữu P; sinh ngày 07/4/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Đình H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà ông H đã nộp (do bà Nguyễn Ngọc Hà nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0008317 ngày 19 tháng 10 năm 2018.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P. TN, TP BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Văn Tú